|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /BC-BCT | Hà Nội, ngày tháng năm 2019 |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NGÀNH CÔNG NGHIỆP VÀ**

**THƯƠNG MẠI THÁNG 5 VÀ 5 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

Kinh tế - xã hội nước ta những tháng đầu năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. Hoạt động thương mại và đầu tư thế giới giảm, bất đồng giữa các nước lớn về định hình hệ thống thương mại toàn cầu ngày càng sâu sắc. Xu hướng gia tăng của chủ nghĩa dân túy, chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị cũng là thách thức đối với kinh tế thế giới và gây ảnh hưởng tới kinh tế Việt Nam. Căng thẳng thương mại Mỹ -Trung gia tăng có khả năng ảnh hưởng nhất định tới tỉ giá, lãi suất và xuất nhập khẩu trong nước. Ngân hàng Trung ương Trung Quốc (PBoC) cũng thông báo sẽ cắt giảm dự trữ bắt buộc đối với các ngân hàng vừa và nhỏ. Đây là động thái mới nhất của Trung Quốc nhằm thúc đẩy nền kinh tế đang tăng trưởng chậm lại, sẽ có ảnh hưởng không nhỏ tới kinh tế các nước. Chỉ số PMI toàn cầu tháng 4 giảm nhẹ xuống còn 52,1 điểm từ 52,7 trong tháng 3.

Giá cả hàng hóa thế giới diễn biến phức tạp trong 5 tháng đầu năm 2019 do bất ổn địa chính trị thế giới và cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung. Các nhân tố địa chính trị đã tạo sức ép khác nhau lên giá dầu. Giá dầu sau khi đạt đỉnh đã có xu hướng sụt giảm mạnh nhất kể từ đầu năm đến nay vào phiên giao dịch ngày 23 tháng 5. Cùng với đó là những lo ngại về triển vọng kinh tế thế giới, tin đồn về việc Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) sẽ sớm quyết định cắt giảm lãi suất làm giá USD và giá vàng có nhiều biến động trái chiều gây ảnh hưởng đến giá các mặt hàng kim loại quý, kim loại công nghiệp, mặt hàng xuất khẩu được định giá bằng USD.

Trước tình hình đó, WTO cảnh báo triển vọng thương mại toàn cầu sẽ tiếp tục đà đi xuống nếu xung đột thương mại Mỹ - Trung Quốc không có dấu hiệu hạ nhiệt và các nước thất bại trong việc điều chỉnh chính sách kinh tế vĩ mô nhằm đáp ứng với tình hình thế giới. Theo báo cáo Chỉ số triển vọng thương mại thế giới (WTOI) công bố ngày 20/5, chỉ số về thương mại hàng hóa thế giới vẫn ở mức 96,3 thấp hơn mức cơ bản 100 và vẫn là mức thấp nhất kể từ năm 2010. Tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2019 dự báo sẽ chậm lại và chỉ đạt 3,44% (giảm so với mức dự báo trước đó 3,58% và mức tăng trưởng 3,83% của năm 2018) do tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung.

Trong nước, nền kinh tế những tháng đầu năm tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát nhưng cũng đối mặt nhiều khó khăn, thách thức với mức tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh trên vật nuôi diễn biến phức tạp. Trong bối cảnh đó, để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, khơi thông thị trường, thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương đã tập trung thực hiện quyết liệt cải cách hành chính, triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp phát triển mạnh doanh nghiệp, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, huy động nguồn lực cho sản xuất và đầu tư phát triển… Kết quả đạt được của ngành Công Thương trong 5 tháng đầu năm như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

**1. Sản xuất công nghiệp**

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 5 ước tính tăng 4,6% so với tháng 4 và tăng 10% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng giảm 1,5%; ngành chế biến, chế tạo tăng 11,6%; sản xuất và phân phối điện tăng 11%; cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 8,4%.

Tính chung 5 tháng đầu năm, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 9,4%, thấp hơn mức tăng 10,3% của cùng kỳ năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng 7,4% và 6,6% của cùng kỳ năm 2016 và năm 2017. Trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục tăng trưởng cao với mức tăng 10,9% (cùng kỳ năm trước tăng 12,1%); Ngành sản xuất, phân phối điện tăng 10,3%; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 7,9%; riêng ngành khai khoáng giảm 0,1%. *(Phụ lục 1*).

**Biểu đồ 1: TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**QUA CÁC THÁNG SO VỚI CÙNG KỲ**

Trong các ngành công nghiệp cấp II, một số ngành có chỉ số sản xuất 5 tháng đầu năm 2019 tăng cao so với cùng kỳ năm trước, đóng góp chủ yếu vào tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp: Sản xuất than cốc, sản phẩm dầu mỏ tinh chế tăng 84%; sản xuất kim loại tăng 40,5%; khai thác quặng kim loại tăng 14,9%; sản xuất xe có động cơ tăng 14,7%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 14,1%; khai thác than cứng và than non tăng 12,9%; dệt tăng 11,3%. Một số ngành có mức tăng thấp hoặc giảm: Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 3,1% (cùng kỳ năm trước tăng 18,3%); sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 2,6%; sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 2,3%; khai thác dầu thô và khí đốt tự nhiên giảm 4%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 5 tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Xăng, dầu tăng 74,7%; sắt, thép thô tăng 66,2%; ti vi tăng 34,2%; khí hóa lỏng (LPG) tăng 26,2%; ô tô tăng 17,1%; than sạch tăng 12,7%. Một số sản phẩm tăng thấp hoặc giảm: Thuốc lá điếu tăng 2,6%; khí đốt thiên nhiên dạng khí giảm 0,2%; phân hỗn hợp NPK giảm 2,9%; dầu thô khai thác giảm 5,8%; quặng apatit giảm 21,5%. *(Phụ lục 2).*

***Nhận xét chung:***

Qua 5 tháng đầu năm, sản xuất công nghiệp tiếp tục duy trì được đà tăng trưởng khá nhờ kết quả sản xuất tích cực trong tháng 5 của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; ngành sản xuất, phân phối điện, qua đó tạo động lực vững chắc để đạt được mục tiêu tăng trưởng chung của toàn ngành công nghiệp. Trong đó:

- Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 5 tháng đầu năm tăng 9,4% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp tục duy trì được đà tăng qua các tháng từ đầu năm 2019 tới nay *(4T/2019 tăng 9,2%; 3T/2019 tăng 9,2%; 2T/2019 tăng 9,2%; 1T/2019 tăng 7,9%).* Mặc dù đây là mức tăng thấp hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của cùng kỳ năm 2016, 2017. *(Chỉ số IIP 5T/2016 tăng 7,4%; 5T/2017 tăng 6,6%; 5T/2018 tăng 10,3%.).*

- Riêng chỉ số sản xuất công nghiệp chế biến chế tạo trong tháng 5 đã tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua. (*Chỉ số sản xuất của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 5 các năm 2015-2019 lần lượt như sau: 10,2%; 11,5%; 9,1%; 9,1%; 11,6%*). Đáng chú ý là ngành sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính, sản phẩm quang học tháng 5 bắt đầu phục hồi sau 2 tháng liên tiếp tăng trưởng âm (tháng 5 tăng 6,5%; tháng 4 giảm 3%; tháng 3 giảm 3,3% so với cùng kỳ).

- Chỉ số sản xuất và phân phối điện tăng trưởng 10,3%, cao nhất từ đầu năm đến nay, một mặt do đây là thời điểm bắt đầu vào mùa nắng nóng, nhu cầu sử dụng điện gia tăng nhưng một mặt cũng là dấu hiệu tốt về sự gia tăng trong sản xuất. Trong đó, tính chung 5 tháng đầu năm 2019, sản lượng điện sản xuất ước đạt 89.865,7 triệu kWh, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2018. Điện thương phẩm ước đạt 82.096,7 triệu kWh, tăng 10,4% so với cùng kỳ. Ngành điện đã chủ động triển khai các phương án để đảm bảo cung cấp điện cho phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân.

- Nhóm ngành khai khoáng giảm 0,1% so với cùng kỳ. Đây là mức giảm thấp, chủ yếu do khai thác dầu thô và khí thiên nhiên giảm 4% (cùng kỳ năm trước ngành khai khoáng giảm 2,2%).

- Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) của Việt Nam - một chỉ số tổng hợp đo lường kết quả hoạt động của ngành sản xuất - đã tăng từ mức 51,2 điểm trong tháng 2/2019 lên 51,9 điểm trong tháng 3 và tiếp tục tăng lên 52,5 điểm trong tháng 4 (mức cao nhất của 4 tháng đầu năm 2019). Điều này cho thấy sự cải thiện tốt của lĩnh vực sản xuất của Việt Nam. Trong khi đó, khu vực ASEAN ghi nhận chỉ số PMI toàn phần ở mức thấp so với PMI của Việt Nam (tháng 2/2019 đạt 49,6 điểm, tháng 3/2019 đạt 50,3 điểm, tháng 4/2019 đạt 50,4 điểm).

Tình hình cụ thể ở các ngành như sau:

***1.1. Đối với ngành điện***

Nhìn chung, về tình hình cung cấp điện 5 tháng đầu năm 2019 đã được ngành Điện chủ động chuẩn bị tốt và thực hiện theo đúng kế hoạch đề ra, đã đảm bảo cung cấp điện an toàn, tin cậy, ổn định, đáp ứng nhu cầu điện cho các hoạt động văn hoá - xã hội, sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của nhân dân tại các địa phương. Các nhà máy khai thác theo biểu đồ và đảm bảo yêu cầu cấp nước hạ du; tăng cường khai thác khi lưu lượng nước về tăng. Các nhà máy nhiệt điện than và tua bin khí khai thác phối hợp tối ưu thủy – nhiệt điện để đáp ứng nhu cầu phụ tải.

Sản lượng điện sản xuất tăng trưởng cao so với cùng kỳ năm trước, điện sản xuất tháng 5 ước đạt 20.298,2 triệu kWh, tăng 10,5% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, sản lượng điện sản xuất ước đạt 89.865,7 triệu kWh, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2018.

Điện thương phẩm tháng 5 ước đạt 17.934 triệu kWh, tăng 0,5% so với tháng 4 và tăng 12,1% so với cùng kỳ. Tính chung 5 tháng đầu năm, điện thương phẩm ước đạt 82.096,7 triệu kWh, tăng 10,4% so với cùng kỳ.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định tổ chức 3 đoàn công tác liên Bộ, ngành kiểm tra tại 3 miền về tình hình sử dụng điện và thực hiện Quyết định số 648/QĐ-BCT của Bộ Công Thương về việc điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân và quy định giá bán điện. Nhìn chung, các đơn vị đã tuân thủ quy định về niêm yết, công khai giá, công tác ghi chỉ số công tơ, công tác chốt chỉ số, tính tiền điện, thanh toán tiền điện; giải đáp đầy đủ các thắc mắc của khách hàng sử dụng điện.

Bộ Công Thương đã chỉ đạo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) tiếp tục giám sát việc áp giá, ghi chỉ số, thanh toán hóa đơn tiền điện theo quy định, nghiêm túc trả lời thắc mắc, giải quyết kịp thời kiến nghị của khách hàng trong thời gian tới.

Thực hiện Thông báo số 3636/VPCP-V.I ngày 03 tháng 5 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Công Thương đang phối hợp tích cực với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài Chính và các cơ quan liên quan thực hiện kiểm tra việc điều chỉnh mức giá bán điện, phương pháp tính giá và việc thu tiền điện thời gian qua, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tháng 6 năm 2019 .

Dự báo, Quý II hàng năm là thời gian cao điểm của mùa khô và là thời điểm căng thẳng nhất trong năm về đảm bảo cung cấp điện toàn hệ thống, ngành điện đề ra mục tiêu đảm bảo vận hành an toàn, ổn định hệ thống điện và thị trường điện, đáp ứng nhu cầu điện trong các tháng mùa khô quý II/2019. Các nguồn nhiệt điện than và tuabin khí sẽ tiếp tục được khai thác cao, đồng thời khai thác các hồ chứa thủy điện theo biểu đồ điều tiết, đảm bảo cung cấp nước cho hạ du và vận hành ổn định các tổ máy nhiệt điện than, đặc biệt là các nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 2, Vĩnh Tân 4, Duyên Hải 1 và Duyên Hải 3. Tăng cường các công tác quản lý vận hành, đảm bảo hành lang tuyến đường dây, đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy lưới điện truyền tải, phục vụ truyền tải cao liên tục trong mùa khô, đặc biệt là hệ thống truyền tải 500 kV Bắc - Nam. Tiếp tục thực hiện tuyên truyền tiết kiệm điện khi nắng nóng bắt đầu diễn ra ở cả 3 miền, nhất là trên địa bàn các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung, miền Nam. Tập trung tăng cường tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng để nâng cao ý thức tiết kiệm điện và an toàn sử dụng điện của cộng đồng xã hội và doanh nghiệp, nhất là tại khu vực phía Nam. Đồng thời, chuẩn bị sẵn sàng các phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo an toàn hồ đập và công trình thuỷ điện, đảm bảo an toàn cho vùng hạ du trong mùa mưa, lũ, bão năm 2019.

***1.2. Đối với ngành than***

Trong 5 tháng đầu năm 2019, ngành tiếp tục hoàn thành tốt kế hoạch đề ra. Sản lượng than sạch tháng 5 ước đạt 4,35 triệu tấn, tăng 5,6% so với cùng kỳ, tính chung 5 tháng đầu năm ước đạt 20,5 triệu tấn, tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản lượng than sạch của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tăng 15,2% so với cùng kỳ.

Bước sang quý II/2019, nhu cầu sử dụng than trong nước tiếp tục tăng cao, nhất là cho hộ điện vì dự báo năm nay sẽ có nhiều đợt nắng nóng, kéo dài. Việc gia tăng sản lượng than để đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế, đặc biệt là cho sản xuất điện là yêu cầu cấp bách được ngành than đặc biệt chú trọng hàng đầu. Các doanh nghiệp trong ngành đã và đang huy động tối đa năng lực sản xuất tập trung đẩy cao nhịp độ sản xuất để gia tăng sản lượng ở mức cao nhất.

***1.3. Đối với ngành dầu khí***

Sản lượng dầu thô khai thác tháng 5 ước đạt 1,1 triệu tấn, giảm 5% so với cùng kỳ năm 2018; khai thác khí đốt thiên nhiên ước đạt 0,9 tỷ m3, tăng 2,4%; khí hóa lỏng ước đạt 77 nghìn tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, sản lượng dầu thô khai thác ước đạt 5,6 triệu tấn, giảm 5,8% so với cùng kỳ năm 2018; khai thác khí đốt thiên nhiên ước đạt 4,4 tỷ m3, giảm 0,2%; khí hóa lỏng ước đạt 464,9 nghìn tấn, tăng 26,2% so với cùng kỳ.

***1.4. Đối với ngành thép***

Tháng 5 năm 2019, thị trường thép xây dựng trong nước không thuận lợi do nhu cầu thấp, thời tiết bắt đầu mưa nhiều ở khu vực phía Nam. Sức tiêu thụ trên thị trường nội địa chậm và yếu hơn so với tháng trước. Tuy nhiên, hoạt động sản xuất vẫn giữ được mức ổn định.

Lượng sắt thép thô ước đạt 2.017,9 nghìn tấn, tăng 64,3% so với cùng kỳ; lượng thép cán ước đạt 549,9 nghìn tấn, tăng 10,5% so với cùng kỳ; lượng thép thanh, thép góc ước đạt 557,1 nghìn tấn, tăng 13,4% so với cùng kỳ.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, lượng sắt thép thô đạt 8.845,8 nghìn tấn, tăng 66,2% so với cùng kỳ; thép cán đạt 2.534,3 nghìn tấn, tăng 10,8% so với cùng kỳ; thép thanh, thép góc đạt 2.458,7 nghìn tấn, tăng 3,6% so với cùng kỳ.

Nhập khẩu thép các loại từ các thị trường trong tháng 5 giảm 0,2% về lượng và 7% về trị giá. Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, nhập khẩu thép các loại tăng 7,2% về lượng và 0,7% về trị giá. Nhập khẩu thép phế liệu tháng 5 tăng 3% so với cùng kỳ năm trước. Ước 5 tháng đầu năm giảm 9,1% so với cùng kỳ.

Về giá bán, giá bán thép xây dựng tại thị trường phía Nam được giữ ổn định trong tháng 5. Trong khi đó, tại thị trường phía Bắc ghi nhận một đợt tăng giá cây loại CB400V và CB500V dùng cho thị trường dự án – công trình với mức tăng so với giá bán trước đó là 100.000 đồng/tấn; còn thép cây thông dụng và thép cuộn giữ giá ổ định.

***1.5. Đối với ngành hóa chất, phân bón***

Tại thị trường thế giới, giao dịch phân bón trên thị trường tăng trong đầu tháng 5 do phục vụ các hợp đồng từ Ấn Độ và các nước Mỹ La Tinh, đến cuối tháng nhu cầu giảm trong khi nguồn cung cao (tồn kho tại một số nước sản xuất vẫn lớn) nên giá phân bón ổn định vào cuối tháng.

Tại thị trường trong nước, nhu cầu phân bón tại các tỉnh phía Nam tăng nhẹ phục vụ bón Vụ 3, tại các vùng khác, nhu cầu không cao nên giá phân bón ổn định hoặc giảm nhẹ (tùy loại). Dự báo trong thời gian tới, nhu cầu phân bón tại các tỉnh phía Nam tiếp tục tăng phục vụ chăm sóc lúa vụ Hè Thu và Vụ 3; tại các tỉnh miền Trung, nhu cầu bón cây công nghiệp không lớn nên giá phân bón sẽ không có biến động lớn.

Sản lượng một số sản phẩm phân bón: 5 tháng đầu năm 2019, ước sản lượng phân đạm urê đạt 886,8 nghìn tấn, giảm 7,8% so với cùng kỳ; phân NPK khoảng 1.170,4 nghìn tấn, giảm 2,9% so với cùng kỳ; phân lân (TĐ Hóa chất VN) ước đạt khoảng 452,7 nghìn tấn, giảm 28,5% so với cùng kỳ; phân DAP (TĐ Hóa chất VN) ước đạt 190,7 nghìn tấn, giảm 11,2% so với cùng kỳ.

***1.6. Đối với ngành dệt may, da giày***

Ngành dệt may và da giày trong 5 tháng đầu năm 2019 tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và mở rộng sản xuất. Chỉ số sản xuất ngành dệt tháng 5 tăng 5,7% so với tháng trước nhưng tăng 13,9% so với tháng 5 năm 2018, tính chung 5 tháng, chỉ số sản xuất ngành dệt tăng 11,3% so với cùng kỳ; Tương tự, chỉ số sản xuất trang phục tháng 5 tăng 4,3% so với tháng trước và tăng 9,6% so với tháng 5 năm 2018, tính chung 5 tháng, chỉ số sản xuất trang phục tăng 8,3% so với cùng kỳ năm 2018.

Một số sản phẩm trong ngành 5 tháng đầu năm đạt mức tăng trưởng so với cùng kỳ như: Vải dệt từ sợi tự nhiên ước đạt 230,9 triệu m2, tăng 4,5%; sản xuất vải dệt từ sợi tổng hợp và sợi nhân tạo ước đạt 468,9 triệu m2, tăng 10,4%; quần áo mặc thường ước đạt 2.028 triệu cái, tăng 8,4% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu hàng dệt và may mặc trong 5 tháng đầu năm ước đạt 12,061 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ.

Sản xuất ngành da và các sản phẩm liên quan 5 tháng đầu năm tăng 8% so với cùng kỳ. Kim ngạch xuất khẩu giầy, dép các loại trong 5 tháng đầu năm ước đạt 7,136 tỷ USD, tăng 14,3% so với cùng kỳ. Nhiều doanh nghiệp ngành dệt may, da giày đã có đơn hàng hết quý II, thậm chí cả năm 2019 do đó các doanh nghiệp vẫn đang tích cực sản xuất và tìm kiếm những đơn hàng mới. Có thể thấy, ngành dệt may Việt Nam đang hấp dẫn với khách hàng nhờ khả năng cạnh tranh cao về chất lượng, giá cả, dịch vụ so với một số cường quốc về dệt may trong khu vực. Bên cạnh đó, chuỗi cung ứng đang dần hoàn chỉnh do dòng vốn đầu tư vào công nghiệp dệt nhuộm và nguyên phụ liệu đang tăng lên. Đặc biệt, các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã có hiệu lực đang tạo ra sức hút lớn về đơn hàng cho cả ngành dệt may và da giày, là yếu tố thuận lợi giúp thúc đẩy xuất khẩu trong thời gian tới.

***1.7. Đối với các ngành sản xuất chế biến thực phẩm và đồ uống***

Tháng 05 và 5 tháng năm 2019, sản xuất kinh doanh của ngành cơ bản duy trì mức tăng trưởng ổn định. Ngành sản xuất đồ uống tăng 10,4% so với cùng kỳ, trong đó sản phẩm bia tăng 10,9% do nhu cầu tiêu thụ tăng khi vào mùa nắng nóng dẫn đến sản xuất tăng. Ngành sản xuất thuốc lá tăng 2,6% so với cùng kỳ, sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 7,9% so với cùng kỳ.

**II. HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU**

Hoạt động thương mại của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2019 tăng trưởng chậm so với cùng kỳ do ảnh hưởng bởi những diễn biến kém tích cực của nền kinh tế thế giới, đặc biệt là tại các nền kinh tế chủ chốt những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung Quốc gia tăng và việc Anh rời khỏi EU vẫn chưa đạt được thỏa thuận.

## Chỉ số về thương mại hàng hóa thế giới những tháng đầu năm 2019 tiếp tục suy giảm. Theo báo cáo Chỉ số triển vọng thương mại thế giới (WTOI) công bố ngày 20/5/2019, chỉ số về thương mại hàng hóa thế giới WTOI giảm xuống mức 96,3 điểm (thấp hơn mức cơ bản 100 và thấp hơn mức 100,3 của lần công bố trước đó của quý trước) và là mức thấp nhất kể từ năm 2010, cho thấy xu hướng thương mại thế giới tiếp tục tăng trưởng thấp, nhịp độ chậm hơn. Trong dự báo tăng trưởng thương mại công bố mới nhất, WTO dự đoán tăng trưởng thương mại trong năm 2019 có thể giảm xuống mức 2,6%, so với mức 3% của năm 2018. Điều này tác động trực tiếp tới xuất khẩu của các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

## Tình hình xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam cụ thể như sau:

## 1. Xuất khẩu

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 5/2019 ước tính đạt 21,50 tỷ USD, tăng 5,2% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 6,71 tỷ USD, tăng 3,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 14,79 tỷ USD, tăng 5,8%. So với cùng kỳ năm trước, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 5 tăng 7,5%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 10,7%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 6,1%.

Tính chung 5 tháng năm 2019, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước tính đạt 100,74 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 30,33 tỷ USD, tăng 11,6%, chiếm 30,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 70,404 tỷ USD, tăng 4,7%, chiếm 69,9% (tỷ trọng giảm 1,3 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước).

*- Về cơ cấu các nhóm hàng xuất khẩu:* Nhóm nông, lâm, thủy sản và Nhóm nhiên liệu khoáng sản ước đạt 10,237 tỷ USD và 1,855 tỷ USD giảm lần lượt là 7,2% và 4,9% so với 5 tháng đầu năm 2018. Trong nhóm nông lâm thủy sản: 5 tháng đầu năm 2019, có tới 6/9 mặt hàng trong nhóm nông, thủy sản có kim ngạch sụt giảm so với cùng kỳ năm 2018. Cụ thể: kim ngạch xuất khẩu thủy sản giảm 1%, hạt điều giảm 14,1%, cà phê giảm 23%, hạt tiêu giảm 2,1%; gạo giảm 20%, sắn và các sản phẩm từ sắn giảm 9%.

Giá xuất khẩu bình quân các loại hàng hóa tiếp tục sụt giảm so với tháng trước và so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, giá các mặt hàng nông sản như: Nhân điều, cà phê, hạt tiêu giảm từ 3% - 4% so với tháng 4/2019; giá chè giảm tới 11,8%.

Theo thống kê, trong 5 tháng đầu năm 2019, có 10/16 mặt hàng xuất khẩu có giá giảm so với cùng kỳ năm 2018. Đáng chú ý, sự sụt giảm mạnh nhất đều đến từ các mặt hàng nông sản, cụ thể: Giá xuất khẩu bình quân nhân điều giảm 21,1% so với 5 tháng năm 2018, cà phê giảm 11,4%, hạt tiêu giảm 26%, gạo giảm 15,5%, cao su giảm 7,1%...

Trong bối cảnh sụt giảm của nhóm nông sản và nhiên liệu, khoáng sản như vậy, nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục có vai trò đóng góp chính vào tăng trưởng xuất khẩu chung. Theo đó, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến ước đạt 84,027 tỷ USD, chiếm 83,4% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục đạt mức tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; Hàng dệt may; Giày dép các loại; Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác; Gỗ và sản phẩm gỗ tăng; Điện thoại các loại và linh kiện...

Trong 5 tháng có 19 mặt hàng đạt giá trị xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 84,4% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó điện thoại và linh kiện có giá trị xuất khẩu lớn nhất đạt 19,9 tỷ USD, chiếm 19,7% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước; điện tử, máy tính và linh kiện đạt 12,3 tỷ USD, tăng 11,1%; hàng dệt may đạt 12,1 tỷ USD, tăng 10,3%; giày dép đạt 7,1 tỷ USD, tăng 14,3%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 6,8 tỷ USD, tăng 5,7%; gỗ và sản phẩm gỗ đạt 4 tỷ USD, tăng 18,3%; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 3,6 tỷ USD, tăng 4,7%.

*- Về thị trường hàng hóa xuất khẩu:* 5 tháng đầu năm 2019, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 22,6 tỷ USD, tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp đến là thị trường EU đạt 17,3 tỷ USD, tăng 1,9%. Trung Quốc đạt 13,4 tỷ USD, giảm 2,6%. Thị trường ASEAN đạt 10,6 tỷ USD, tăng 5,2%. Hàn Quốc đạt 7,9 tỷ USD, tăng 8,9%. Nhật Bản đạt 7,7 tỷ USD, tăng 4,4%.

## 2. Nhập khẩu

## Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 5 ước tính đạt 22,8 tỷ USD, tăng 8,6% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 10,2 tỷ USD, tăng 8,4%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 12,6 tỷ USD, tăng 8,8%.

## Trong tháng 5/2019, nhập khẩu hàng hóa tiếp tục tập trung chủ yếu vào nhóm hàng nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước với kim ngạch đạt 20,1 tỷ USD, tăng 9,2% so với tháng 4/2019. Nhập khẩu nhóm hàng cần kiểm soát nhập khẩu tiếp tục tăng so với tháng trước, tăng 10,1%, đạt 1,75 tỷ USD. Những mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng cao trong nhóm này là: Bánh kẹo và sản phẩm từ ngũ cốc tăng 22,3%, chế phẩm thực vật tăng 53,1%, đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 65,3%, ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ tăng 38,3%...

## So với cùng kỳ năm 2018, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 5 tăng 8,3%, trong đó khu vực kinh tế trong nước tăng 11,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 6,2%.

## Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 101,28 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 43,61 tỷ USD, tăng 15,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 57,67 tỷ USD, tăng 6,9%.

## *- Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu:*

+ Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng cần kiểm soát tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, rau quả tăng 48,1%, chế phẩm thực phẩm khác tăng 34,8%... Đáng chú ý, ô tô nguyên chiếc dưới 9 chỗ tăng mạnh, tăng 520,4% về kim ngạch, đạt 49,3 nghìn chiếc, kim ngạch đạt 948 triệu USD.

+ Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng cần nhập khẩu trong 5 tháng đầu năm 2019 đạt 89,15 tỷ USD, chiếm phần lớn tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa (chiếm 88%), tăng 9,3% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, một số mặt hàng tăng khá mạnh như: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng 17,3%, máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng tăng 14,9%, sản phẩm từ chất dẻo tăng 11,3%...

*- Về thị trường hàng hóa nhập khẩu:* 5 tháng đầu năm 2019, Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch đạt 29,6 tỷ USD, tăng 18,9% so với cùng kỳ năm trước. Tiếp theo là thị trường Hàn Quốc đạt 19,2 tỷ USD, tăng 1,1%. Thị trường ASEAN đạt 13,9 tỷ USD, tăng 9,3%. Nhật Bản đạt 7,4 tỷ USD, tăng 0,5%. Hoa Kỳ đạt 5,8 tỷ USD, tăng 23,6%. Thị trường EU đạt 5,7 tỷ USD, tăng 8,2%.

## 3. Cán cân thương mại

## Cán cân thương mại hàng hóa tháng 4 nhập siêu 555 triệu USD; 4 tháng xuất siêu 752 triệu USD; tháng 5 ước tính nhập siêu 1,3 tỷ USD. Tính chung 5 tháng năm 2019 nhập siêu 548 triệu USD (*cùng kỳ năm trước xuất siêu 2,6 tỷ USD*), trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 13,28 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 12,73 tỷ USD. Nhập siêu tăng trở lại được lý giải do nguyên nhân của sự dịch chuyển dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng mạnh trong những tháng đầu năm nay kéo theo nhu cầu nhập khẩu công nghệ, máy móc, thiết bị phục vụ cho các dự án và mua nguyên vật liệu cho sản xuất sẽ gia tăng theo.

## 4. Đánh giá chung

- Xuất khẩu 5 tháng đầu năm có tốc độc tăng thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018 nhưng có xu hướng tăng dần qua các tháng: 5T tăng 6,7%; 4T/2019 tăng 6,5%; 3T/2019 tăng 5,3%; 2T/2019 tăng 4,2%.

- Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 100,74 tỷ USD, tăng 6,7% so với cùng kỳ và thấp hơn so với mức tăng trưởng của các năm (*5 tháng/2018 tăng 17,5%, 5 tháng/2017 tăng 19%*). Tuy nhiên, khu vực kinh tế trong nước tiếp tục đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn, nới rộng khoảng cách tăng trưởng so với khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: Qua 5 tháng, khu vực kinh tế trong nước tăng 11,6%, chiếm 30,1% tổng kim ngạch xuất khẩu; Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) tăng 4,7%, chiếm 69,9% tổng kim ngạch xuất khẩu. Như vậy, xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước tiếp tục là điểm sáng trong hoạt động thương mại của Việt Nam trong 5 tháng đầu năm 2019.

- Tăng trưởng xuất khẩu qua 5T/2019 cho thấy chủ yếu là nhờ vào tốc độ tăng trưởng của nhóm hàng công nghiệp chế biến (chiếm tới 83,4% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam). Cả nước có 19 mặt hàng xuất khẩu đạt hơn 1 tỷ USD, trong đó có 14 mặt hàng đều thuộc nhóm hàng công nghiệp chế biến (gồm: Sản phẩm chất dẻo; Túi xách, vali, mũ, ô dù; Gỗ và sản phẩm gỗ; Hàng dệt và may mặc; Xơ, sợi dệt các loại; Giày dép các loại; Sắt, thép các loại; Sản phẩm từ sắt thép; Kim loại thường khác và sản phẩm; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; Điện thoại các loại và linh kiện; Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện; Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác; Phương tiện vận tải và phụ tùng).

- Nhập khẩu hàng hóa trong 5 tháng đầu năm 2019: ước tính đạt 101,28 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2018. Các mặt hàng nhập khẩu của Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung vào các mặt hàng nguyên vật liệu trung gian phục vụ sản xuất trong nước hoặc gia công hàng xuất khẩu với tỷ trọng lên tới 88% tổng kim ngạch hàng hóa nhập khẩu.

Trong bối cảnh thương mại toàn cầu suy giảm so với cùng kỳ, xuất khẩu của nhiều nước trong khu vực giảm mạnh trong 3 tháng đầu năm như Nhật Bản giảm 5,8%; Indonesia giảm 8,6%; Đài Loan giảm 4,2%; Singapore giảm 2,7% hoặc tăng nhẹ như Trung Quốc tăng 1,4% thì kết quả tăng trưởng xuất khẩu ở mức 6,7% trong 5 tháng đầu năm của Việt Nam có thể xem là một kết quả cho thấy sự nỗ lực rất lớn.

Trong ngắn hạn, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự suy yếu của thương mại toàn cầu, đặc biệt là sự leo thang về căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc.

Chỉ tiêu tăng trưởng xuất khẩu năm 2019 Quốc hội giao là khoảng 7-8%, Chính phủ giao cho Bộ Công Thương phấn đấu mức tăng trưởng từ 8-10%. Mặc dù xuất khẩu thường tăng tốc trong giai đoạn nửa cuối năm song để đạt được con số trên là nhiệm vụ khá khó khăn đòi hỏi sự nỗ lực của các cấp, các ngành, doanh nghiệp nhất là trong bối cảnh kinh tế, thương mại toàn cầu đang có dấu hiệu suy giảm như hiện nay. Tuy nhiên, với sự chuyển dịch dòng vốn đầu tư vào Việt Nam tăng mạnh trong thời gian qua là cơ sở để kỳ vọng hoạt động xuất khẩu sẽ có những bứt phá trong những năm tới.

*Những yếu tố thuận lợi hỗ trợ xuất khẩu trong thời gian tới:*

- Nhiều ngành hàng của Việt Nam được đánh giá sẽ hưởng lợi để thay thế cho hàng Trung Quốc trên thị trường Mỹ, cùng với đó là sự chuyển dịch đầu tư từ nền kinh tế thứ hai thế giới sang những thị trường lân cận sẽ thúc đẩy dòng chảy FDI. Sự chuyển dịch dòng vốn đầu tư vào Việt Nam tăng mạnh trong 5 tháng đầu năm 2019 là cơ sở để kỳ vọng hoạt động xuất khẩu sẽ có những bứt phá trong những năm tới. (Tính đến ngày 20/5, tổng số vốn đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2018. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 5 tháng tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2018. Trong 5 tháng còn có 3.160 lượt góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài với tổng giá trị góp vốn là 7,65 tỷ USD, gấp 2,8 lần so với cùng kỳ năm 2018).

- Xuất khẩu hàng hóa đang được hưởng lợi từ căng thẳng thương mại Mỹ - Trung Quốc khi có thêm các đơn hàng từ phía Mỹ chuyển dịch sang đã và đang mang lại nhiều cơ hội lớn cho nền kinh tế Việt Nam. Trong 5 tháng đầu năm 2019, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Mỹ đã tăng 28% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 22,55 tỷ USD, cao hơn nhiều so với mức tăng 10,2% của cùng kỳ năm 2018 so với năm 2017.

- Nhập khẩu các nguyên phụ liệu đầu vào tiếp tục tăng cho thấy hoạt động sản xuất và các đơn hàng tiếp tục diễn biến khả quan.

*Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có nhiều yếu tố khó khăn ảnh hưởng tới cán cân thương mại của Việt Nam.* Cụ thể:

- Hiện Trung Quốc dùng giải pháp phá giá đồng Nhân dân tệ để làm giảm tác động thực tế của thuế quan lên hàng hóa xuất khẩu đến Mỹ, điều này sẽ ảnh hưởng tới hoạt động xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam cũng như khả năng gia tăng nhập siêu từ thị trường này trong thời gian tới. Trong trường hợp này, giá hàng hóa xuất từ Việt Nam sang Trung Quốc sẽ cao hơn, gây khó khăn cho việc xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam. (Trong 5 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đã giảm 2,6% so với cùng kỳ năm 2018).

- Xuất khẩu nông sản của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đang gặp nhiều trở ngại khi kể từ tháng 5/2019, Trung Quốc đã tăng cường công tác quản lý, truy xuất nguồn gốc đối với trái cây nhập khẩu nói chung và dưa hấu nói riêng thông qua các quy định yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu của Trung Quốc tiến hành đăng ký mẫu tem nhãn truy xuất nguồn gốc tại cơ quan Hải quan Trung Quốc và dán tem nhãn này trên các sản phẩm/bao bì trái cây nhập khẩu. Tem nhãn bao gồm thông tin về vườn trồng, cơ sở đóng gói…Danh sách vườn trồng, doanh nghiệp đóng gói phải được cơ quan quản lý nước xuất khẩu thông báo chính thức cho phía Trung Quốc.

Hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc vào Việt Nam tăng mạnh cũng là một trong những yếu tố tạo sức ép kiềm chế nhập siêu của Việt Nam trong thời gian tới. Nhập siêu từ Trung Quốc đã tăng lên 16,2 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm 2019, tăng 45,9% so với cùng kỳ năm 2018. Do đó, trong thời gian tới cần theo dõi chặt chẽ tình hình nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc để có giải pháp ứng phó kịp thời trong bối cảnh căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc leo thang, hàng hóa từ Trung Quốc có thể sẽ chuyển hướng sang các thị trường khác, trong đó có Việt Nam để tiêu thụ với giá rẻ thậm chí gắn mác xuất xứ Việt Nam để xuất khẩu sang Mỹ.

**III. THƯƠNG MẠI NỘI ĐỊA**

Hoạt động thương mại dịch vụ trong 5 tháng đầu năm nay tiếp tục xu hướng tăng khá, lượng cung hàng hóa trên thị trường dồi dào, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Thời tiết đang vào mùa nắng nóng, nhu cầu đối với một số nhóm hàng thực phẩm giảm, nhu cầu các mặt hàng đồ gia dụng làm mát tăng. Nhóm hàng lương thực, thực phẩm giá có xu hướng ổn định hoặc giảm. Một số mặt hàng trái cây có tính mùa vụ cao như vải, xoài, mận… đang chuẩn bị vào mùa thu hoạch rộ nhưng do các địa phương đã triển khai tốt hoạt động xúc tiến thương mại nên giá vẫn giữ ở mức tốt. Công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được đẩy mạnh nhằm ngăn chặn các hành vi tăng giá bất hợp lý, buôn bán, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

Trong tháng 5, giá xăng dầu trong nước chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động giá các sản phẩm xăng dầu trên thị trường thế giới, giá xăng dầu đã được điều chỉnh tăng trong kỳ điều hành ngày 02/5 và giảm trong kỳ điều hành ngày 17/5.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 5/2019 ước tính đạt 403,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,9% so với tháng trước và tăng 11,4% so với cùng kỳ năm 2018. Tính chung 5 tháng đầu năm 2019, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 1.983,7 nghìn tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm trước, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 8,6% (cùng kỳ năm 2018 tăng 8,5%).

Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 5 tháng đầu năm ước tính đạt 1.518 nghìn tỷ đồng, chiếm 76,5% tổng mức và tăng khá với mức tăng 12,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Lương thực, thực phẩm tăng 13,3%; đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình tăng 12,8%; may mặc tăng 11,4%; phương tiện đi lại tăng 11,2%; vật phẩm văn hoá, giáo dục tăng 10,6%.

Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống 5 tháng đầu năm ước tính đạt 236 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,9% tổng mức và tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu du lịch lữ hành 5 tháng ước tính đạt 18,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,9% tổng mức và tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước và Doanh thu dịch vụ khác 5 tháng ước tính đạt 211,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,7% tổng mức và tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2018,

Dự báo trong thời gian tới, các yếu tố chính trị và căng thẳng thương mại giữa các nước lớn tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường các mặt hàng thiết yếu; giá xăng dầu diễn biến tăng giảm đan xen, giá một số nông sản tăng nhẹ sẽ tác động đến thị trường các mặt hàng thiết yếu trong nước.

Trong nước, việc điều chỉnh tăng giá một số mặt hàng như điện, xăng dầu, gas ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến giá cả một số hàng hóa, dịch vụ. Cùng với đó là nhu cầu du lịch, dịch vụ tăng trong dịp nghỉ hè, nhu cầu tiêu thụ điện, nước sinh hoạt tiếp tục tăng khi thời tiết nắng nóng... Tuy nhiên, do nguồn cung các mặt hàng tương đối dồi dào nên cung cầu luôn được bảo đảm, mặt bằng giá hàng hóa sẽ không có biến động lớn.

*Một số vấn đề đối với thị trường trong nước cần phải tiếp tục xử lý như:*

- Liên Bộ Tài chính – Công Thương tiếp tục điều hành giá xăng dầu trong nước hài hòa, sử dụng hợp lý Quỹ Bình ổn giá với liều lượng thích hợp, tạo dư địa thuận lợi cho việc kiểm soát mặt bằng giá cả năm 2019.

- Đối với mặt hàng thịt lợn: Hiện tình hình dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp, tiêu thụ lợn thương phẩm tại nhiều địa phương gặp khó khăn. Bên cạnh đó, để đảm bảo nguồn cung và bình ổn giá mặt hàng thịt lợn trong các tháng cuối năm và khi dịch bệnh đã được khống chế, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ ngành liên quan có các chính sách hỗ trợ để các doanh nghiệp thu mua, chế biến, phân phối thực hiện dự trữ nguồn hàng an toàn; các địa phương chỉ đạo các doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm trên địa bàn tích cực tham gia việc thu mua và ký kết hợp đồng tiêu thụ sớm để bình ổn thị trường dịp cuối năm.

- Các Bộ, ngành địa phương tiếp tục có sự phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành thị trường, giá các hàng hóa do nhà nước quản lý; phối hợp trong công tác thông tin tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong dư luận xã hội đối với công tác điều hành và bình ổn thị trường hàng hóa.

**V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI**

Để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong những tháng còn lại, cần tập trung bám sát diễn biến, tình hình, tuyệt đối không chủ quan, chủ động và sẵn sàng các phương án ứng phó kịp thời, hiệu quả với những biến động mới phát sinh và các sự cố có thể xảy ra; quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo, điều hành và phối hợp tốt với các địa phương triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP, các nhiệm vụ cụ thể tại Nghị quyết số 02/NQ-CP, các Nghị quyết khác của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh việc kiên trì thực hiện các giải pháp căn cơ, dài hạn nhằm duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, Bộ Công Thương tiếp tục tập trung thực hiện một số giải pháp cần thực hiện ngay như sau:

**1. Về sản xuất công nghiệp**

- Tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất, giảm chi phí đầu vào, khuyến khích đổi mới công nghệ, nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Tập trung phát triển sản xuất công nghiệp theo chiều sâu để từng bước tạo ra những sản phẩm có thương hiệu quốc gia và có sức cạnh tranh trong chuỗi giá trị toàn cầu. Từng bước thực hiện các giải pháp nhằm chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp.

*-* Tiếp tục tổ chức các đoàn đi làm việc trực tiếp với các địa phương để tháo gỡ khó khăn cho các dự án trọng điểm, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu..

**2. Về xuất nhập khẩu**

- Tiếp tục theo dõi sát biến động của tình hình thế giới, đặc biệt là diễn biến cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung để chủ động trong công tác điều hành, có biện pháp thúc đẩy xuất khẩu những mặt hàng có khả năng tận dụng cơ hội để xuất khẩu và tăng cường quản lý chặt chẽ trước nguy cơ gian lận thương mại và gian lận xuất xứ hàng hóa.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp xuất khẩu nông thủy sản của Việt Nam với các doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc qua các cửa khẩu biên giới, đặc biệt là đối với các mặt hàng Việt Nam có lợi thế và Trung Quốc đang có nhu cầu lớn như trái cây, thủy sản, gạo, cà phê…

- Tổ chức triển khai thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế của Việt Nam, bảo đảm cho quá trình hội nhập của Việt Nam một cách hiệu quả và bền vững hơn, tập trung triển khai Chương trình hành động thực thi Hiệp định CPTPP, tổ chức triển khai các biện pháp nhằm tăng cường sự tận dụng cơ hội mang lại từ các FTA. Tăng cường các giải pháp, biện pháp phát triển xuất khẩu, nhập khẩu với từng thị trường quan trọng; tìm kiếm khả năng mở rộng các thị trường xuất khẩu mới còn tiềm năng đồng thời củng cố và mở rộng thị phần hàng hóa Việt Nam tại thị trường truyền thống, thị trường là đối tác FTA. - Chỉ đạo các cơ quan Thương vụ ở nước ngoài tăng cường sự chủ động trong nắm bắt thông tin thị trường và các vấn đề phát sinh ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam để giúp Chính phủ, các Bộ, ngành, Hiệp hội và doanh nghiệp có phản ứng kịp thời.

- Chú trọng công tác hỗ trợ các Hiệp hội, doanh nghiệp về thông tin cảnh báo và cách phòng tránh, xử lý các vụ kiện phòng vệ thương mại; liên tục cập nhật thông tin, hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam ứng phó với các vụ việc hàng hóa xuất khẩu bị điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại nhằm đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của doanh nghiệp.

**3. Về thị trường nội địa**

- Đẩy mạnh triển khai các chương trình xúc tiến thương mại nội địa để góp phần thúc đẩy tiêu thụ và sức mua trên thị trường. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại thị trường nội địa, thị trường miền núi, hỗ trợ các doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm, đưa hàng hóa về nông thôn, vùng biên giới, hải đảo.

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương theo dõi sát diễn biến cung cầu hàng hóa, giá cả, thị trường trong nước, nhất là các mặt hàng thiết yếu; đồng thời tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát thực hiện quy định về đăng ký giá, kê khai giá và việc chấp hành theo quy định của pháp luật về quản lý giá; phối hợp trong công tác thông tin tuyên truyền nhằm tạo sự đồng thuận trong dư luận đối với công tác điều hành của nhà nước và bình ổn thị trường hàng hóa.

- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý thị trường, tích cực ngăn ngừa buôn lậu, gian lận thương mại, hàng nhái, hàng giả, hàng kém chất lượng để bảo vệ sản xuất trong nước và quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Kinh tế Trung ương;  - Bộ KHĐT;  - VP TƯ Đảng;  - VP Chính phủ;  - UB Kinh tế của Quốc hội;  - Mạng diện rộng VPCP;  - Lãnh đạo Bộ;  - Đảng uỷ Bộ;  - Các Vụ (qua mạng nội bộ);  - Lưu: VT, KH (14). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**    **Cao Quốc Hưng** |